

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KÌ II – TIN HỌC 8 Năm học: 2022 – 2023

I. TRẮC NGHIỆM: Học sinh học kĩ kiến thức từ bài 6 đến bài 9. Tham khảo thêm các dạng câu hỏi phần trắc nghiệm sau:

Câu 1: Trong Python để in dãy số **a** ra màn hình ta thực hiện:

A. `print(a)` B. `for i in range(len(a)):print(a)` C. `write(a)` D. `for i in range(1,len(a)):print(a[i])`

Câu 2: Chọn tên hợp lệ trong ngôn ngữ lập trình Python là

A. 15abc. B. bai1. C. bai 1. D. print.

Câu 3: Ta có đoạn chương trình sau:

`n=12.5`

`print(type(n))`

cho biết khi chạy chương trình báo **n** có kiểu dữ liệu:

A. int. B. float. C. str. D. eval.

Câu 4: Kết quả sau khi thực hiện đoạn chương trình là bao nhiêu?

`i=15; j=20;`

`print(i+j)`

A. 1520 B. 35 C. 15 D. 20

Câu 5: Hãy cho biết kết quả xuất ra màn hình sau khi thực hiện câu lệnh:

`print('16 % 3 +10=', 16 % 3 +10)`

A. `16 % 3 +10=, 16 % 3 +10` B. 11 C. `16 % 3 +10=11` D. `16 % 3 +10`

Câu 6: Ý nghĩa của phép `%` là

A. phép chia lấy phần nguyên. B. phép chia.
C. phép nhân. D. phép chia lấy phần dư.

Câu 7: Cho đoạn chương trình sau:

`N=20; M=8`

`N=N //M`

`M= M + N`

`print(' N=', N)`

`print ('M=', M)`

Kết quả in ra màn hình sau đoạn chương trình trên là

A. `N=10 M=2.` B. `N=2 M=10.` C. `N=20 M=8.` D. `N=8 M=20.`

Câu 8: Cho đoạn chương trình sau:

`A=153`

`B=A//10`

`print(' A=', A)`

`print ('B=', B)`

Kết quả in ra màn hình sau đoạn chương trình trên là

A. `A=153 B=15.` B. `A=3 B=10.` C. `A=153 B=3.` D. `A=15 B=3.`

Câu 9: Trong python cấu trúc nào sau là cấu trúc của câu lệnh rẽ nhánh dạng đủ (2 câu lệnh)?

A. `if <điều kiện >: <câu lệnh 1>`

else: <câu lệnh 2>

B. if <điều kiện >: <câu lệnh>

C. if <điều kiện>: <câu lệnh 1>
else <câu lệnh 2>

D. if <điều kiện> then <câu lệnh>

Câu 10: Cho điều kiện $n \geq 8$ với giá trị nào của n thì điều kiện trên có giá trị đúng là

A. $n = 8$.

B. $n = 6$.

C. $n = 7$.

D. $n = 5$.

Câu 11: Giá trị đầu (start) và giá trị cuối (stop) trong câu lệnh For có kiểu dữ liệu

A. số nguyên.

B. số thực.

C. ký tự.

D. chuỗi ký tự.

Câu 12: Giá trị của X sau khi thực hiện đoạn chương trình sau bằng bao nhiêu?

X=2

for i in range(1,4):

X=X + 3

A. 8.

B. 5.

C. 14.

D. 11.

Câu 13: Trong các câu lệnh sau, câu nào đúng:

A. for i in range(11): print('A');

B. for i in range(1,11) print('A');

C. for i in range(11,1): print('A');

D. for i in range(1.5,11.5): print('A');

Câu 14: Hãy chọn đáp án đúng nhất. Sau dấu : của câu lệnh lặp, ta có thể sử dụng bao nhiêu câu lệnh?

A. Có thể nhiều câu lệnh nhưng các lệnh sau : phải nằm trên cùng 1 Tab.

B. Chỉ một câu lệnh.

C. 2 câu lệnh.

D. Phải từ 2 câu lệnh trở lên.

Câu 15: Cho đoạn chương trình:

S=0

for i in range(1,6): S= S+i

Sau khi thực hiện đoạn chương trình trên S có kết quả là

A. 10.

B. 20.

C. 0.

D. 15.

Câu 16: Cú pháp đúng của câu lệnh lặp trong ngôn ngữ lập trình Python là:

A. For <biến đếm> in range(<giá trị đầu> , <giá trị cuối>): <câu lệnh>;

B. for <biến đếm> in range(<giá trị đầu>,<giá trị cuối>): <câu lệnh>;

C. for <biến đếm> in range(<giá trị đầu>:<giá trị cuối>): <câu lệnh>;

D. For <biến đếm> in range(<giá trị cuối>,<giá trị đầu>): <câu lệnh>;

Câu 17: Trong câu lệnh lặp for <biến đếm> in range(<giá trị đầu>,<giá trị cuối>): <câu lệnh>;

Giá trị của biến đếm thay đổi như thế nào?

A. Không thay đổi.

B. Có thể tăng hay giảm tùy vào từng chương trình.

C. Tự động tăng thêm 1 đơn vị sau mỗi vòng lặp.

D. Tự động giảm đi 1 đơn vị sau mỗi vòng lặp.

Câu 18: Câu lệnh sau đây cho kết quả gì?

for i in range (1,11):

print('O', end=" ");

A. Xuất ra 10 chữ O liên tiếp trên 1 hàng, mỗi chữ cách nhau 1 khoảng cách.

B. Xuất ra 10 chữ O trên 10 hàng.

C. Xuất ra 10 chữ O trên 10 hàng, cách nhau thời gian 1 giây.

D. Xuất ra 10 chữ O liên tiếp sát nhau.

Câu 19: Cho biết số lần lặp của câu lệnh sau: `for i in range(4): print("Lập trình Python")`

- A. 2 B. 5 C. 4 D. 3

Câu 20: Điều kiện trong câu lệnh `while` là

- A. câu lệnh ghép. B. phép so sánh. C. câu điều kiện. D. câu lệnh gán.

Câu 21: Cho đoạn chương trình sau, cho biết vòng lặp sẽ được thực hiện bao nhiêu lần?

`X= 7`

`while X > 6: print(" Chao ban!")`

- A. 1 lần B. 6 lần. C. Không lần nào. D. Vô hạn.

Câu 22: Tính tổng $S = 1 + 2 + 3 + \dots + n + \dots$ cho đến khi $S > 1000$. Điều kiện vào sau đây cho vòng lặp `while` là đúng?

- A. $S > 1000$. B. $S < 1000$. C. $S \geq 1000$. D. $S \leq 1000$.

Câu 23: Để tính trung bình cộng của dãy số `a` ta có thể thực hiện lệnh

- A. `tb=sum(a)/len(a)` B. `tb=sum(a)/min(a)`
C. `tb=len(a)/len(a)` D. `tb=sum(a)`

Câu 24: Cho đoạn chương trình sau, cho biết vòng lặp sẽ được thực hiện bao nhiêu lần?

`X= 11`

`while X > 60 : print("*****");`

- A. Không lần nào. B. 1 lần. C. Vô hạn lần. D. 6 lần.

Câu 25: Trong vòng lặp `while` câu lệnh được thực hiện khi

- A. điều kiện còn đúng. B. điều kiện sai.
C. điều kiện không xác định. D. không cần điều kiện.

Câu 26: Để truy cập phần tử thứ 5 trên dãy số `B` ta viết:

- A. `B5`. B. `B[5]`. C. `B[4]`. D. `B4`.

Câu 27: Gọi `s` là biến lưu trữ tổng giá trị của dãy số `a` là

- A. `s=len(a)`. B. `s=sum(a)`.
C. `s=min(a)`. D. `s=max(a)`.

Câu 28: Để in các giá trị phần tử của dãy số từ phần tử đầu tiên đến phần tử thứ 4 của dãy số `a` ta thực hiện câu lệnh

- A. `for i in range(1,4): print(a[i])` B. `for i in range(0,4): print(a[i])`
C. `for i in range(4): print(i)` D. `for i in range(0,len(a)): print(a[i])`

Câu 29: Câu lệnh nào sau đây là câu lệnh đúng về câu lệnh lặp với số lần chưa biết trước?

- A. `while X<>12: X=X+1` B. `while X=12: X==X+1`
C. `while X!=12: X=X+1` D. `while X==12: X==X+1`

Câu 30: Cấu trúc câu lệnh lặp với số lần chưa biết trước đúng là

- A. `while <điều kiện>: <câu lệnh>` B. `while a>5: <điều kiện>`
C. `while <câu lệnh>: <điều kiện>` D. `while <điều kiện>=<câu lệnh>`

Câu 31: Trong câu lệnh `if` cách viết điều kiện kiểm tra `n` là số chẵn là

- A. `n % 2=0`. B. `n // 2==0`.
C. `n // 2=0`. D. `n % 2==0`.

Câu 32: Trong câu lệnh `if` cách viết điều kiện kiểm tra `n` là số lẻ là

- A. `n % 2!=0`. B. `n // 2==0`.
C. `n // 2!=0`. D. `n % 2==0`.

Câu 33: Cho lệnh sau: `dem=0`. Số `0` trong lệnh trên gọi là

- A. giá trị khởi tạo. B. biến. C. biến số. D. dem.

Câu 34: Lệnh `round(m,n)` có tác dụng

- A. để làm tròn số thực m với n chữ số thập phân sau dấu phẩy.
- B. để làm tròn số thực n với m chữ số thập phân sau dấu phẩy.
- C. in ra 2 số m, n .
- D. chia lấy phần dư của m cho n .

Câu 35: Câu lệnh **nhập giá trị cho biến a** có kiểu dữ liệu là số nguyên là

- A. `a= input("nhap a:")`
- B. `a=float(input("nhap a:"))`
- C. `a=eval(input("nhap a:"))`
- D. `a=int(input("nhap a:"))`

Câu 36: Phần dư trong phép chia của hai số nguyên 16 và 5 là

- A. `16 % 5 = 3.`
- B. `16 // 5 = 3.`
- C. `16 % 5 = 1.`
- D. `16 // 5 = 1.`

Câu 37: Ý nghĩa của phép `//` là

- A. phép chia lấy phần nguyên.
- B. phép chia.
- C. phép nhân.
- D. phép chia lấy phần dư.

Câu 38: Kết quả của phép tính `print("16 // 5=", 16 // 5)` là

- A. `16 % 5 = 3.`
- B. `16 // 5 = 3.`
- C. `16 % 5 = 1.`
- D. `16 // 5 = 1.`

Câu 39: Câu lệnh **nhập dãy a** gồm dãy các số nguyên là

- A. `a= list(map(int,input().split()))`
- B. `a=float(input("nhap a:"))`
- C. `a= list(map(float,input().split()))`
- D. `a=int(input("nhap a:"))`

Câu 40: Gọi n là biến lưu trữ giá trị chiều dài của dãy số a , ta có

- A. `n=len(a)`
- B. `n=sum(a)`
- C. `n=min(a)`
- D. `n=max(a)`

II. THỰC HÀNH

1. Viết chương trình nhập vào 1 số nguyên n . In ra màn hình bảng cửu chương n .
2. Viết chương trình nhập vào 1 số nguyên n . Kiểm tra số n là số nguyên tố hay hợp số và thông báo kết quả kiểm tra được ra màn hình.
3. Viết chương trình nhập vào 1 số nguyên n . In ra các số từ 1 đến n sao cho cứ 10 số trên 1 dòng.
4. Viết chương trình nhập vào 1 dãy số a , yêu cầu:
 - In ra dãy số.
 - Tính và in ra số trung bình cộng của dãy số.
 - In giá trị lớn nhất, nhỏ nhất của dãy số.
 - Sắp xếp dãy số tăng dần và in kết quả.
 - Sắp xếp dãy số giảm dần và in kết quả.
5. Viết chương trình nhập 1 dãy số là điểm kiểm tra giữa kì của tổ 1. Hãy đếm xem trong tổ có bao nhiêu điểm giỏi (điểm \geq 8); bao nhiêu điểm khá (8 $>$ điểm \geq 6.5); bao nhiêu điểm trung bình (6.5 $>$ điểm \geq 5); bao nhiêu điểm dưới trung bình (điểm $<$ 5). In kết quả đếm được ra màn hình.

----- HẾT -----

DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU